

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST.

Ngày: 25/11/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Phan Thanh Long

2. Bà: Nguyễn Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-DS ngày 18/3/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 02/11/2021, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Ngân hàng NN

Địa chỉ: Số 2 – đường L-H, phường Th- C, Quận B- Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

-Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Ph - C, tỉnh Bình Định theo văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019.

-Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn An S – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng NN – Chi nhánh huyện Ph- C –Theo văn bản ủy quyền số: 01/2020/UQ- NHNo-PC ngày 06/3/2020.

-Bị đơn:

+Ông: Phạm Thanh B, sinh năm 1976

+Bà: Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1976

Đồng trú tại: Thôn G- Th, xã C- M, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định.

(Nay ông S có mặt; ông B, bà Ch vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/3/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng NN - Ông Nguyễn An S trình bày:*

Ngày 03/11/2017 ông Phạm Thanh B là người đại diện vay vốn tại Phòng giao dịch Đ- G – thuộc Ngân hàng NN – Chi nhánh huyện Ph- C, tỉnh Bình Định – theo Hợp đồng tín dụng số 4305-LAV-201704911, số tiền vay 150.000.000đồng; Mục đích vay: Sửa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, đồ nội thất. Thời hạn vay 60 tháng, chia thành 05 phân kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ trả 30.000.000 đồng. Ngày đến hạn cuối cùng: 03/11/2022. Kỳ hạn trả lãi: Chậm nhất 03 tháng/kỳ; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 9,9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông B – bà Ch thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 747 – tờ bản đồ 02 – diện tích 184,8m² đất ở và thế chấp tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà cấp N7, diện tích xây dựng 42m². Địa chỉ thửa đất và nhà ở: Thôn G-Th, xã C- M, huyện Ph- C theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành: BD374823, số vào sổ: CH00220 do UBND huyện Phù Cát cấp ngày 21/02/2011 cho vợ chồng ông Phạm Th- B – bà Nguyễn Thị Ch tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: N171103 ngày 03/11/2017.

Trong khoảng thời gian 09 tháng kể từ ngày vay đến ngày 18/6/2018, khách hàng trả lãi vay theo đúng thời hạn. Đến ngày 03/11/2018 (Phân kỳ trả gốc 30.000.000 đồng và lãi) khách hàng không thực hiện trả đúng hạn, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Cán bộ Ngân hàng quản lý khoản vay tiếp tục đôn đốc, làm việc nhiều lần khách hàng cam kết thực hiện trả dần. Đến ngày 21/6/2019, tổng số tiền gốc vay khách hàng trả được 10.560.000 đồng và tiền lãi trả đến ngày 20/6/2019. Sau đó khách hàng đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, Ngân hàng nhiều lần gửi giấy mời, thông báo đòi nợ nhưng vợ chồng ông B, bà Ch có tình lẩn tránh, giấu nơi ở, không hợp tác trong việc trả nợ. Tính đến ngày Tòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ kiện (Ngày 25/11/2021), vợ chồng ông B, bà Ch còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi: 184.212.028 đồng, trong đó:

-Nợ gốc vay: 139.440.000 đồng.

-**Nợ lãi vay:** 44.772.028 đồng, trong đó:

+Nợ lãi trong hạn: 36.193.916 đồng.

+Nợ lãi quá hạn: 8.578.112 đồng.

Nay ông S đại diện cho Ngân hàng NN, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc vợ chồng ông B – bà Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng tính đến hết ngày 25/11/2021 (Ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ kiện) với số tiền phải trả là: **184.212.028 đồng**, trong đó:

-**Nợ gốc vay:** 139.440.000 đồng.

-**Nợ lãi vay:** 44.772.028 đồng, trong đó:

+Nợ lãi trong hạn: 36.193.916 đồng.

+Nợ lãi quá hạn: 8.578.112 đồng.

2. Tuyên buộc vợ chồng ông B – bà Ch phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4305-LAV-201704911 ngày 03/11/2017, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/ quyết định cho đến khi ông B, bà Ch trả hết nợ gốc cho NN.

3. Tuyên nếu ông B, bà Ch không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của vợ chồng ông B, bà Ch để thu hồi nợ.

4. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông B, bà Ch để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

**Đối với bị đơn vợ chồng ông B, bà Ch:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa để thông báo cho ông B, bà Ch biết; Tòa án đã triệu tập ông, bà nhiều lần nhưng ông B, bà Ch cố tình không đến Tòa trình bày ý kiến của mình, không tham gia tố tụng vụ kiện, nên ông B, bà Ch phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do bên Nguyên đơn Ngân hàng NN cung cấp cho Tòa thể hiện vợ chồng ông B, bà Ch thừa nhận có vay Ngân hàng NN – Chi nhánh huyện Ph- C số tiền 150.000.000đồng và có thế chấp tài sản nhà, đất cho Ngân hàng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng thời thừa nhận còn nợ Ngân hàng các khoản nợ như bên Ngân hàng trình bày.

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:* Hợp đồng tín dụng số 4305-LAV-201704911 ngày 03/11/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: N171103 ngày 03/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng NN – Chi nhánh huyện Ph- C, tỉnh Bình Định – Phòng giao dịch Đ- G với vợ chồng ông Phạm Thanh B, bà Nguyễn Thị Ch và các tài liệu chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ của Nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Ngày 03/11/2017 giữa Ngân hàng NN – Chi nhánh huyện Ph- C – phòng Giao dịch Đ-G với vợ chồng ông Phạm Thanh B – bà Nguyễn Thị Ch có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 4305-LAV-201704911, với nội dung Ngân hàng cho vợ chồng ông B - bà Ch vay số tiền 150.000.000 đồng; Mục đích vay: Sửa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, đồ nội thất. Thời hạn vay 60 tháng, chia thành 05 phân kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ trả 30.000.000 đồng. Ngày đến hạn cuối cùng: 03/11/2022. Kỳ hạn trả lãi: Chậm nhất 03 tháng/kỳ; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 9,9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông B – bà Ch đã thế chấp quyền sử dụng đất và 01 ngôi nhà trên đất đối với thửa đất số 747 – tờ bản đồ 02 – diện tích 184,8m² đất ở tại thôn G- Th, xã C-M, huyện Ph- C theo Hợp đồng thế chấp số: N171103 ngày 03/11/2017.

Ngân hàng NN đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, đã giải ngân cho vợ chồng ông B – bà Ch vay số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông B, bà Ch thực hiện không đúng nghĩa vụ của bên đi vay. Cụ thể: Đến ngày 03/11/2018 (Phân kỳ trả gốc 30.000.000 đồng và lãi) khách hàng không thực hiện trả đúng hạn, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Kể từ khi nhận tiền vay đến nay, vợ chồng ông B – bà Ch chỉ trả cho Ngân hàng được 10.560.000 đồng gốc vay; lãi vay chỉ trả đến ngày 20/6/2019, sau đó không trả nữa. Cán bộ Ngân hàng quản lý khoản vay nhiều lần đôn đốc khách hàng trả nợ nhưng vợ chồng ông B, bà Ch cố tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Sau đó khách hàng đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, vợ chồng ông B, bà Ch cố tình lẩn tránh, giấu nơi ở, không hợp tác trong việc trả nợ. Tính đến ngày Tòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ kiện (25/11/2021), vợ chồng ông B, bà Ch còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi là: **184.212.028 đồng**, trong đó:

-**Nợ gốc vay:** 139.440.000 đồng.

-**Nợ lãi vay:** 44.772.028 đồng, trong đó:

+Nợ lãi trong hạn: 36.193.916 đồng.

+Nợ lãi quá hạn: 8.578.112 đồng.

Nay Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông B, bà Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay còn nợ nói trên cho Ngân hàng, đồng thời yêu cầu vợ chồng ông B, bà Ch còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất cho vay

hai bên đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa tuyên bản án, quyết định sơ thẩm cho đến khi nào trả xong toàn bộ khoản nợ gốc vay.

HĐXX xác định đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong việc thực hiện hợp đồng. Xuất phát từ hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng NN với vợ chồng, ông B - bà Ch, Ngân hàng NN đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là đã giải ngân giao đầy đủ số tiền vay cho bên vay nhận theo như hợp đồng hai bên đã ký kết, nhưng đến hạn trả nợ, bên vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ dân sự, hành vi này của ông B – bà Ch là hành vi có lỗi. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều: 351, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông B - bà Ch phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay còn nợ cho Ngân hàng NN Việt Nam với tổng số tiền phải trả (Tính đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm: 25/11/2021) là: **184.212.028 đồng**, trong đó:

-**Nợ gốc vay:** 139.440.000 đồng.

-**Nợ lãi vay:** 44.772.028 đồng, trong đó:

+Nợ lãi trong hạn: 36.193.916 đồng.

+Nợ lãi quá hạn: 8.578.112 đồng

Buộc vợ chồng ông B – bà Ch còn phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa xét xử sơ thẩm là ngày 26/11/2021 trở đi cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ gốc vay theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 4305-LAV-201704911 ngày 03/11/2017

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực mà vợ chồng ông B, bà Ch không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả hết số tiền nợ gốc và lãi vay nói trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 747 – tờ bản đồ 02 – diện tích 184,8m² đất ở và ngôi nhà trên thửa đất này của vợ chồng ông B, bà Ch để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng NN thì NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông B, bà Ch để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[2]Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc vợ chồng ông B – bà Ch phải nộp số tiền: 9.210.600 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph- C hoàn trả lại cho Ngân hàng NN Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000 đồng theo biên lai thu số: 0009103 ngày 18/3/2021.

[3]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

-Về phần thủ tục tố tụng dân sự: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay - Thẩm phán, Thư ký và HĐXX tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông B, bà Ch phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều: 351, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng NN Việt Nam.

1.1. Buộc vợ chồng ông Phạm Thanh B – bà Nguyễn Thị Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng NN với tổng số tiền còn nợ (tính đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm: 25/11/2021) là: **184.212.028 đồng** (*Một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm hai mươi tám đồng*), trong đó:

-**Nợ gốc vay:** 139.440.000 đồng.

-**Nợ lãi vay:** 44.772.028 đồng, trong đó:

+Nợ lãi trong hạn: 36.193.916 đồng.

+Nợ lãi quá hạn: 8.578.112 đồng

1.2. Buộc vợ chồng ông B – bà Ch còn phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa xét xử sơ thẩm là ngày 26/11/2021 trở đi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 4305-LAV-201704911 ngày 03/11/2017 cho đến khi nào trả xong toàn bộ số tiền nợ gốc vay.

1.3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực mà vợ chồng ông B, bà Ch không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả hết số tiền nợ gốc và lãi vay nói trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có

thẩm quyền phát mãi bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên thửa đất đối với thửa đất số 747 – tờ bản đồ 02 – diện tích 184,8m² đất ở được Ủy ban nhân dân huyện Ph- C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Phạm Thanh B – bà Nguyễn Thị Ch tại Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành: BD374823, số vào sổ: CH00220 ngày 21/02/2011 để thu hồi nợ.

1.4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông B, bà Ch để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông B – bà Ch phải nộp số tiền là: **9.210.600 đồng** (*Chín triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph- C hoàn trả lại cho Ngân hàng NN Việt Nam 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí khởi kiện Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số: 0009103 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph- C.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Vợ chồng ông B, bà Ch vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã C-M, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định nơi ông B, bà Ch cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ph- C;
- Chi cục T.H.A ds huyện Ph- C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệp